

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

**Quy định phương pháp xác định các yếu tố
hình thành giá cơ sở xăng dầu**

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về phương pháp xác định các yếu tố hình thành giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phương pháp xác định các yếu tố hình thành giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại khoản 23, khoản 24 Điều 1 Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi chung là Nghị định số /2021/NĐ-CP).

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a. Cơ quan có thẩm quyền điều hành giá bán xăng dầu trong nước và các cơ quan khác có liên quan; các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu theo quy định tại Nghị định số..... /2021/NĐ-CP.

b. Thông tư này không áp dụng đối với: thương nhân nhập khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng, dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình, không bán ra thị trường theo quy định của pháp luật; thương nhân được phép nhập khẩu xăng, dầu vào trong nước theo quy định của Luật Đầu tư để làm hàng mẫu quảng cáo, dự hội chợ triển lãm, hoặc là hàng viện trợ hoàn lại và không hoàn lại; thương nhân sản xuất xăng, dầu bán xăng, dầu cho thương nhân nhập khẩu xăng, dầu; thương nhân đầu mối mua lại xăng, dầu thành phẩm của thương nhân đầu mối khác để cung ứng ra thị trường trong nước; thương nhân đầu mối có lượng

xăng, dầu thành phẩm mua về làm nguyên liệu để sản xuất, pha chế thành xăng, dầu thành phẩm khác.

Điều 2. Căn cứ xây dựng các yếu tố hình thành giá trong giá cơ sở xăng dầu

1. Các yếu tố hình thành giá cơ sở xăng dầu được tổng hợp từ các nguồn, các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, các thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu ; chỉ có giá trị để tính giá cơ sở xăng dầu.

2. Các khoản chi phí định mức tối đa trong giá cơ sở xăng dầu (sau đây gọi là khoản chi phí tổng hợp) được rà soát, đánh giá và xây dựng trên cơ sở nguồn số liệu sau đây:

a. Số liệu do các thương nhân đầu mối tổng hợp từ các khoản chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ báo cáo về Bộ Tài chính theo quy định tại khoản Điều Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm và quy định tại Thông tư này; Số liệu tổng hợp từ kết quả khảo sát, đánh giá chi phí thực tế của Bộ Tài chính tại một số thương nhân đầu mối có tính đại diện, sản lượng xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn (nếu có); số liệu tại báo cáo kết luận thanh tra, kiểm tra chi phí trong hoạt động kinh doanh xăng dầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); kết quả kiểm toán chi phí trong hoạt động kinh doanh xăng dầu của kiểm toán nhà nước (nếu có); Ngoài ra, có tính đến mức độ phù hợp với các mục tiêu kiểm soát lạm phát, phát triển kinh tế, xã hội từng thời kỳ.

b. Việc thu thập, tổng hợp số liệu để tính toán phải trên cơ sở lựa chọn để đảm bảo tính đại diện của các đơn vị có quy mô lớn, sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước chiếm trên 70% tổng sản lượng xăng dầu trên cả nước (theo sản lượng xăng dầu trích Quỹ bình ổn giá của năm báo cáo).

Thương nhân đầu mối chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Khoản lợi nhuận định mức quy định tại Thông tư này là mức tối đa, chỉ có giá trị để tính giá xăng dầu từ nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu. Lợi nhuận thực tế thu được trong kinh doanh phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của các thương nhân đầu mối.

Điều 3. Điều chỉnh các khoản chi phí tổng hợp trong giá cơ sở xăng dầu

1. Các khoản chi phí tổng hợp được rà soát, đánh giá và xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng và hàng năm tương ứng với từng khoản chi phí theo quy định tại khoản... điều ... Nghị định và quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ biến động tăng hoặc giảm bất thường do yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có), Bộ Tài chính xem xét, đánh giá và điều chỉnh kịp thời.

Các doanh nghiệp đầu mối có trách nhiệm tổ chức theo dõi, nắm bắt và đánh giá tình hình thực hiện thực tế tại đơn vị, kịp thời báo cáo về Bộ Tài chính,

Bộ Công Thương các diễn biến để có cơ sở xem xét điều chỉnh cho phù hợp theo đúng quy định; chịu trách nhiệm về báo cáo của mình.

Điều 4. Phương pháp xác định giá Etanol nhiên liệu

1. Etanol nhiên liệu để pha chế xăng sinh học quy định tại Thông tư này gồm Etanol nhiên liệu không biến tính và Etanol nhiên liệu biến tính (sau đây gọi chung là Etanol).

2. Giá Etanol tính giá cơ sở được xác định theo phương thức bình quân theo sản lượng các mức giá Etanol mua trong nước và nhập khẩu, trong đó:

a. Giá Etanol trong nước là giá bán tại nhà máy ở nhiệt độ thực tế chưa có thuế giá trị gia tăng; Giá Etanol nhập khẩu là giá CIF cộng thuế nhập khẩu (nếu có); Sản lượng Etanol là sản lượng theo lít thực tế lên bồn của thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mỗi trong tháng báo cáo.

b. Căn cứ xác định giá là các số liệu tại các báo cáo của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu.

c. Chu kỳ tính giá là 01 tháng (từ 21 tháng trước liền kề đến hết ngày 20 tháng báo cáo). Giá Etanol bình quân của tháng trước liền kề sẽ áp dụng cho kỳ tính giá cơ sở xăng tháng tiếp theo.

d. Trên cơ sở số liệu báo cáo của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mỗi, cơ quan chủ trì điều hành giá xăng dầu (Bộ Công Thương) xác định giá Etanol bình quân áp dụng cho kỳ tính giá cơ sở xăng sinh học của tháng tiếp theo.

3. Định kỳ vào ngày 21 hàng tháng, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm gửi báo cáo giá Etanol mua trong nước, giá Etanol nhập khẩu, sản lượng Etanol mua trong nước và nhập khẩu tương ứng về Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước), Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá). Trường hợp ngày báo cáo trùng vào ngày nghỉ lễ theo quy định việc gửi báo cáo được lùi sang ngày làm việc liền kề.

Điều 5. Phương pháp xác định tỷ lệ thể tích xăng không chì, tỷ lệ thể tích Etanol nhiên liệu để tính giá cơ sở xăng sinh học

Tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì, tỷ lệ phần trăm thể tích Etanol nhiên liệu để tính giá cơ sở xăng sinh học tại Thông tư này là tỷ lệ cao nhất được phép pha trộn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với từng chủng loại xăng sinh học; tỷ lệ pha trộn thực tế nằm trong giới hạn cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Phương pháp xác định khoản chi phí về thuế nhập khẩu xăng dầu

1. Chi phí về thuế nhập khẩu xăng dầu để tính giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu, chỉ có giá trị để tính giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại Điều Nghị định số .../2021/NĐ-CP.

2. Chi phí về thuế nhập khẩu xăng dầu được xác định bằng (=) Mức thuế suất thuế nhập khẩu xăng dầu bình quân gia quyền (x) tỷ trọng sản lượng xăng dầu nhập khẩu tương ứng (%) x {Giá Platt bình quân cộng (+) Chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam}. Trong đó:

a. Mức thuế suất thuế nhập khẩu xăng dầu bình quân gia quyền (%) bằng (=) [$\{ \text{Mức thuế suất}_1 \text{ nhân (x) Sản lượng xăng dầu nhập khẩu tương ứng với mức thuế suất}_1 \text{ cộng (+) Mức thuế suất}_2 \text{ nhân (x) Sản lượng xăng dầu nhập khẩu tương ứng với mức thuế suất}_2 \text{ cộng (+) Mức thuế suất}_3 \text{ nhân (x) Sản lượng xăng dầu nhập khẩu tương ứng với mức thuế suất}_3 \}$ chia (:) $\text{Tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu trong kỳ}$] nhân (x) 100%.

Các mức thuế suất thuế nhập khẩu xăng dầu được xác định tương ứng với từng nguồn nhập khẩu theo thực tế thống kê từ cơ quan hải quan.

Đối với trường hợp sản lượng xăng dầu nhập khẩu tại thời điểm kê khai hải quan nhưng được ghi nợ C/O theo quy định thì mức thuế suất được xác định là mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.

b. Tỷ trọng sản lượng để xác định khoản chi phí về thuế nhập khẩu trong giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu được xác định bằng sản lượng xăng dầu nhập khẩu tương ứng với từng mức thuế suất thuế nhập khẩu chia (:) cho tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu trong kỳ tính toán.

Sản lượng xăng dầu nhập khẩu được xác định theo thực tế thống kê từ cơ quan hải quan, bao gồm:

- Sản lượng nhập khẩu xăng, dầu thành phẩm của các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu (bao gồm cả sản lượng xăng dầu nhập từ nước ngoài và sản lượng xăng, dầu pha chế tại kho ngoại quan Vân Phong; không bao gồm dung môi và nhiên liệu bay).

- Thời gian thu thập số liệu thực hiện theo Quý (từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến hết ngày 20 tháng cuối Quý).

Biểu mẫu thực hiện quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

c. Tỷ giá ngoại tệ tính chi phí thuế nhập khẩu được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018, Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Định kỳ hàng Quý, vào ngày 30 của tháng cuối Quý Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) xác định và thông báo mức thuế nhập khẩu bình quân gia quyền để Bộ Công Thương tính chi phí về thuế nhập khẩu xăng dầu áp dụng trong công thức tính giá cơ sở.

Điều 7. Phương pháp xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt để tính giá cơ sở xăng

1. Phương pháp xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng:

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt trong giá xăng từ nguồn nhập khẩu được xác định bằng (=) Giá xăng dầu thế giới cộng (+) Chi phí đưa xăng từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) Chi phí về thuế nhập khẩu cộng (+) Mức trích lập Quỹ Bình ổn giá cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức + Lợi nhuận định mức.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt trong công thức tính giá xăng từ nguồn sản xuất trong nước được xác định bằng (=) Giá xăng dầu thế giới.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt tại Nghị định này chỉ có giá trị áp dụng để tính toán trong công thức giá cơ sở.

2. Phương pháp xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng trong công thức tính giá xăng sinh học

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt trong công thức tính giá xăng sinh học được xác định bằng (=) [Tỷ lệ phần trăm thể tích xăng (%) nhân (x) {(Giá xăng thế giới cộng (+) Chi phí định mức tối đa đưa xăng từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) Chi phí về thuế nhập khẩu xăng) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng nhập khẩu cộng (+) (Giá xăng thế giới nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng từ nguồn sản xuất trong nước)} cộng (+) Tỷ lệ phần trăm thể tích Etanol nhiên liệu (%) nhân (x) Giá Etanol nhiên liệu} cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức tối đa cộng (+) Mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cộng (+) Lợi nhuận định mức] (x) với tỷ trọng sản lượng xăng sinh học được phối trộn tại các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu cộng (+) {Tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) (Giá xăng thế giới cộng (+) Chi phí tối đa phối trộn xăng sinh học) cộng (+) Tỷ lệ phần trăm thể tích etanol nhiên liệu (%) nhân (x) Giá Etanol nhiên liệu} nhân (x) với tỷ trọng sản lượng xăng sinh học mua từ các thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu. Trong đó:

- Tỷ trọng sản lượng xăng sinh học phối trộn tại các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu được xác định bằng sản lượng xăng sinh học mà các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu tự thực hiện phối trộn trên tổng sản lượng xăng sinh học được phối trộn tại các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu và mua từ thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu trong kỳ báo cáo.

- Tỷ trọng sản lượng xăng sinh học mua từ các thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu được xác định bằng sản lượng xăng sinh học mua từ các thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu trên tổng sản lượng xăng sinh học được phối trộn tại các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu và mua từ thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu trong kỳ báo cáo.

- Định kỳ vào ngày 21 tháng cuối mỗi quý, các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu có trách nhiệm báo cáo sản lượng phối trộn xăng E5 trong kỳ gửi về Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) và Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

Thời gian thu thập số liệu thực hiện theo Quý (từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến hết ngày 20 tháng cuối Quý).

- Căn cứ số liệu báo cáo, đơn vị chủ trì điều hành giá xăng dầu (Bộ Công Thương) cập nhật, tính toán áp dụng trong công thức tính giá cơ sở theo nguyên tắc tỷ trọng xăng sinh học của quý trước áp dụng tính toán cho các kỳ điều hành giá của quý tiếp theo.

Điều 8. Phương pháp xác định khoản chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam

1. Khoản chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam chỉ có giá trị để tính giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại khoản Điều Nghị định số /2021/NĐ-CP.

2. Khoản chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo sản lượng xăng dầu nhập khẩu của các thương nhân đầu mối. Trong đó:

a) Chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh bao gồm premium, chi phí bảo hiểm, chi phí vận chuyển xăng dầu từ cảng nước ngoài về Việt Nam và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Sản lượng xăng dầu được tính trên cơ sở lít thực tế được giám định tại cảng dỡ, được giám định trong kỳ tính toán.

b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 21/6 và 21/12 hàng năm, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả rà soát khoản chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá).

Biểu mẫu báo cáo chi phí quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trên cơ sở báo cáo của các thương nhân đầu mối, Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp, rà soát, đánh giá và tiến hành khảo sát thực tế để cập nhật thêm thông tin, số liệu (nếu cần thiết).

Định kỳ ngày 10 tháng 01 và 10 tháng 07 hàng năm, Bộ Tài chính có văn bản thông báo để Bộ Công Thương áp dụng, tính toán.

Trường hợp có biến động đột biến về chi phí thực tế phát sinh do yếu tố khách quan (tăng hoặc giảm), trên cơ sở đề xuất của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có), Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có quyền yêu cầu các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối, các tổ chức có liên quan báo cáo tình hình đột xuất, trên cơ sở đó tổng hợp, xem xét quyết định việc điều chỉnh kịp thời khoản chi phí này cho phù hợp.

Điều 9. Phương pháp xác định Premium đối với nguồn trong nước của các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu

1. Premium chỉ có giá trị để tính giá xăng dầu của nguồn trong nước, là một khoản chi phí tổng hợp tối đa được xác định theo phương pháp bình quân gia

quyền của các mức theo sản lượng xăng dầu mua từ các nhà máy sản xuất, pha chế xăng dầu trong nước (hoặc từ doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy) trong kỳ tính toán. Trong đó:

- Premium là mức thực tế phát sinh do các bên thỏa thuận thống nhất theo thông lệ Quốc tế, được thể hiện trong hợp đồng mua bán xăng dầu giữa các doanh nghiệp xăng dầu đầu mối và các nhà máy lọc dầu trong nước.

- Sản lượng xăng dầu tính theo lít thực tế được giám định theo từng lô hàng xuất tại cửa kho của các nhà máy lọc dầu trong nước trong kỳ tính toán.

2. Chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng Việt Nam (nếu có) chỉ có giá trị để tính giá xăng dầu của nguồn trong nước, khoản chi phí này là chi phí tổng hợp tối đa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của các mức theo sản lượng xăng dầu mua từ các nhà máy lọc dầu trong nước của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối trong kỳ tính toán.

Chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về cảng Việt Nam (nếu có) của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có). Sản lượng xăng dầu tính theo lít thực tế tại cửa kho, được giám định trong kỳ tính toán.

3. Định kỳ trước ngày 21/6 và 21/12 hàng năm, các thương nhân đầu mối có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp premium đối với nguồn trong nước; khoản chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước về cảng của doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu (nếu có) về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá). Biểu mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục số 03 và phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trên cơ sở báo cáo của các thương nhân đầu mối, Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp, rà soát, đánh giá, trường hợp cần thiết sẽ tiến hành khảo sát thực tế để nắm bắt thêm thông để điều chỉnh cho phù hợp.

Việc xác định mức premium tổng hợp tối đa trong công thức tính giá xăng dầu từ nguồn trong nước phải bảo đảm nguyên tắc không cao hơn giá thế giới bình quân trong công thức tính giá xăng từ nguồn trong nước nhân (x) với thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi thấp nhất đối với mặt hàng xăng theo cam kết quốc tế (trường hợp thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi thấp nhất đối với xăng lớn hơn 0%) theo quy định tại khoản Điều 1 Nghị định số .../2021/NĐ-CP.

Định kỳ ngày 10 tháng 01 và 10 tháng 07 hàng năm, Bộ Tài chính có văn bản thông báo để Bộ Công Thương áp dụng, tính toán. Trường hợp có biến động đột biến về chi phí thực tế phát sinh do yếu tố khách quan (tăng hoặc giảm), trên cơ sở đề xuất của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có), Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có văn bản yêu cầu các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối, các tổ chức có liên quan báo cáo tình hình đột xuất, trên cơ sở đó tổng hợp, xem xét quyết định việc điều chỉnh kịp thời khoản chi phí này cho phù hợp.

Điều 10. Phương pháp xác định khoản chi phí kinh doanh xăng dầu định mức

1. Khoản chi phí kinh doanh xăng dầu định mức là chi phí phát sinh trong khâu lưu thông xăng dầu trong nước (chi phí bán buôn, chi phí bán lẻ ở nhiệt độ thực tế) của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối (đã bao gồm chi phí thù lao dành cho thương nhân phân phối, thương nhân nhận quyền bán lẻ, tổng đại lý, đại lý xăng dầu). Mức chi phí được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh và được tính bình quân trên tổng sản lượng xăng dầu tiêu thụ trong nước của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối báo cáo; là khoản chi phí tổng hợp tối đa, chỉ có giá trị để tính giá xăng dầu tối đa của cả nguồn nhập khẩu và nguồn sản xuất trong nước. Trong đó:

a) Các loại xăng, các loại dầu diesel, dầu hỏa bao gồm chi phí bán buôn, bán lẻ; riêng các loại dầu madút là chi phí bán buôn.

b) Sản lượng xăng dầu đưa vào tính toán là sản lượng lít thực tế tiêu thụ trong nước trong kỳ báo cáo.

2. Định kỳ trước ngày 21 tháng 02 hàng năm, các thương nhân đầu mối gửi báo cáo kiểm toán các chuyên đề về chi phí kinh doanh xăng dầu tổng hợp (chi phí phát sinh tại thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối (công ty mẹ), chi phí phát sinh tại các công ty con, chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hạch toán độc lập mà công ty mẹ nắm giữ quyền quản trị chi phối); và các báo cáo về sản lượng nhập mua xuất bán tồn kho trong năm tài chính, báo cáo về chiết khấu thù lao dành cho đại lý tổng đại lý thương nhân phân phối thương nhân nhận quyền bán lẻ) về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá);

Biểu mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục số 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trên cơ sở báo cáo kiểm toán của các thương nhân đầu mối, Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp, rà soát, đánh giá, trường hợp cần thiết sẽ tiến hành khảo sát thực tế để nắm bắt thêm thông tin.

Trên cơ sở kết quả tính toán, căn cứ nguyên tắc tại khoản Điều Thông tư này, Bộ Tài chính xác định hoặc điều chỉnh chi phí kinh doanh xăng dầu định mức tối đa để áp dụng trong công thức tính giá cơ sở. Định kỳ ngày 30 tháng 6 hàng năm, Bộ Tài chính có văn bản thông báo để Bộ Công Thương áp dụng, tính toán. Trường hợp tăng giảm đột biến căn cứ tình hình thực tế, đề nghị của các đơn vị (nếu có), Bộ Tài chính tổng hợp, rà soát đánh giá, khảo sát thực tế để có điều chỉnh kịp thời thông báo cho Bộ Công Thương áp dụng tính toán trong công thức tính giá cơ sở.

Điều 11. Khoản Lợi nhuận định mức

Lợi nhuận định mức là lợi nhuận trong kinh doanh xăng dầu chỉ có giá trị để tính giá cơ sở, mức tối đa được áp dụng trong công thức giá cơ sở là 300 đồng/lít,kg ở nhiệt độ thực tế. Lợi nhuận thực tế thu được trong kinh doanh phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của các thương nhân đầu mối.

Điều 12. Phương pháp xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu:

1. Tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu được xác định như sau:

a) Sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước để tính tỷ trọng là sản lượng xăng dầu bán ra của các nhà máy lọc dầu trong nước (không bao gồm dung môi, nhiên liệu bay; không bao gồm sản lượng xăng dầu tự dùng và xuất khẩu) trên tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu của các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu và tổng sản lượng xăng dầu bán ra trong nước của các nhà máy lọc dầu trong nước trong kỳ báo cáo.

b) Sản lượng xăng dầu từ nguồn nhập khẩu thực hiện như quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

c) Thời gian thu thập số liệu thực hiện theo Quý (từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến hết ngày 20 tháng cuối Quý).

2. Định kỳ ngày 21 của tháng cuối Quý, thương nhân sản xuất xăng dầu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính sản lượng xăng dầu xuất bán chi tiết từng chủng loại từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến ngày 20 tháng cuối Quý.

Các thương nhân sản xuất xăng dầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu báo cáo.

3. Trên cơ sở số liệu cung cấp về lượng xăng dầu nhập khẩu của Bộ Tài chính và báo cáo lượng bán xăng dầu trong nước của các thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu, Bộ Công Thương tính toán, xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 2021/NĐ-CP

Điều 13. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

Kể từ ngày Thông tư có hiệu lực thi hành, các khoản chi phí tổng hợp tối đa để tính giá cơ sở quy định tại Thông tư này tiếp tục thực hiện theo mức đã thông báo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày cho đến khi có thông báo mới thay thế.

Bãi bỏ quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 quy định về phương pháp tính giá

cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư liên tịch này.

Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các đơn vị khác thuộc Bộ có liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện Thông tư này theo quy định; tổ chức theo dõi nắm bắt thông tin diễn biến thị trường giá cả mặt hàng xăng dầu, đồng thời căn cứ mục tiêu kiểm soát lạm phát, các kịch bản điều hành giá của Chính phủ để chủ động thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Tài chính ký văn bản tham gia với Bộ Công Thương về phương án điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Khoản... Điều Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm và quy định tại Thông tư này. Trường hợp khi giá xăng dầu có diễn biến tăng giảm đột biến, hoặc ảnh hưởng tới tình hình kinh tế xã hội, trình báo cáo xin ý kiến lãnh đạo phụ trách khối trước khi ký văn bản.

3. Các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu có trách nhiệm theo dõi, nắm bắt và tổng hợp số liệu thực tế tại đơn vị, báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) theo đúng quy định tại Thông tư này.

Báo cáo được gửi qua thư điện tử bcxangdau@mof.gov.vn và@moit.gov.vn. Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính), Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công Thương) có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu địa chỉ thư điện tử tiếp nhận báo cáo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng BCĐ Phòng, chống tham nhũng;
- Toà án NDTC;
- Viện Kiểm sát NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Công Thương, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Tạ Anh Tuấn

- Các Ngân hàng thương mại;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục QLГ - Bộ Tài chính.

Phụ lục số 01: BÁO CÁO TỶ TRỌNG KIM NGẠCH NHẬP KHẨU XĂNG DẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày / /2021
của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỤC CNTT & THỐNG KÊ HẢI QUAN

Phụ lục

**Số lượng, kim ngạch và tỷ trọng nhập khẩu các mặt hàng xăng dầu từ các thương nhân
đầu mỗi nhập khẩu xăng dầu**

Quý năm từ ngày đến ngày

(Gửi theo CV số /TKHQ ngày tháng năm 2021 của Cục CNTT & Thống kê hải quan)

STT	Tên biểu thuế	Lượng (Tấn)	Trị giá (USD)	Tỷ trọng	
				Lượng (%)	Trị giá (%)
I. Xăng					
	Số lượng xăng áp dụng biểu thuế MFN (không bao gồm sản lượng xăng nhập khẩu có khai báo nợ C/O)				
	Số lượng xăng được xem xét áp dụng biểu thuế ưu đãi FTAs (bao gồm cả sản lượng xăng đã hưởng C/O và xăng có khai báo nợ C/O)				
	- Theo biểu thuế				
	- Theo biểu thuế				
				
	Tổng cộng Xăng				
II. Diesel					
	Số lượng dầu DO áp dụng biểu thuế MFN (không bao gồm sản lượng dầu DO nhập khẩu có khai báo nợ C/O)				
	Số lượng xăng dầu được xem xét áp dụng biểu thuế ưu đãi FTAs (bao gồm cả sản lượng dầu DO đã hưởng C/O và có khai báo nợ C/O)				
	- Theo biểu thuế				
	- Theo biểu thuế				
				
	Tổng cộng Dầu Diesel				

III. Mazut				
Sản lượng dầu FO áp dụng biểu thuế MFN (không bao gồm sản lượng dầu FO nhập khẩu có khai báo nợ C/O)				
Sản lượng xăng dầu được xem xét áp dụng biểu thuế ưu đãi FTAs (bao gồm cả sản lượng dầu FO đã hưởng C/O và có khai báo nợ C/O)				
- Theo biểu thuế				
- Theo biểu thuế				
.....				
Tổng cộng Dầu Mazut				
IV. Dầu hỏa				
Số lượng xăng dầu áp dụng biểu thuế MFN (không bao gồm sản lượng dầu hỏa nhập khẩu có khai báo nợ C/O)				
Số lượng xăng dầu được xem xét áp dụng biểu thuế ưu đãi FTAs (bao gồm sản lượng dầu hỏa đã hưởng C/O và có khai báo nợ C/O)				
- Theo biểu thuế				
- Theo biểu thuế				
.....				
Tổng cộng Dầu hỏa				

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục số 02: BÁO CÁO CHI PHÍ ĐƯA XĂNG DẦU TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ CẢNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày / /2021 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI PHÍ NHẬP XĂNG DẦU TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM ĐỂ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày Tháng ... năm

Tên hàng	Ngày Bill	Nhập mua từ	Điều kiện mua hàng	Số lượng vận đơn	Tạm nhập tái xuất	Số lượng tại Tàu		Giá Platts (usd / thùng)	Premium (2)	Chi phí bảo hiểm Nếu có (3)	Chi phí vận chuyển Nếu có (4)	Chi phí khác phát sinh nếu có (5)
				Lít 15	Lít 15	Lít 15	Lít thực tế (1)					
XĂNG RON 92												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnđ	vnđ	vnđ	vnđ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											
XĂNG RON 95												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnđ	vnđ	vnđ	vnđ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											
XĂNG E5 RON 92												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												

Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd	vn đ	vnd	vn đ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											
DẦU DƠ 0,05S												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd	vn đ	vnd	vn đ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											
DẦU KO												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd	vn đ	vnd	vn đ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											

DẦU FO 180cst 3,5S												
Tháng 1												
Tháng 2												
Tháng 12												
Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd	vn đ	vnd	vn đ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											

Loại xăng, dầu khác (viết tên cụ thể)												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng (USD)									usd	usd	usd	usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd	vn đ	vnd	vn đ
Tổng cộng (VNĐ/lít thực tế)	$((2) + (3) + (4) + (5)) / (1)$											

Phụ lục số 03: BÁO CÁO PREMIUM TRONG NƯỚC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày / /2021
của Bộ Tài chính)*

Tên hàng	Ngày Bill	Nhập mua từ	Điều kiện mua hàng	Số lượng vận đơn			Giá Platts (usd/thung)	Premium (usd/thung)	Premium (2)
				Thùng	Lít 15	Lít thực tế (1)			
XĂNG RON 92									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									
Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									
XĂNG RON 95									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									
Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									
XĂNG E5 RON 92									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									
Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									
DẦU DO									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									

Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									
DẦU KO									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									
Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									

DẦU FO									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									
Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									

XĂNG DẦU KHÁC (CHI TIẾT TÊN)									
Tháng 1									
Tháng 2									
.....									
Tháng 12									
Tổng cộng						lít			usd
Tổng cộng (VNĐ)									vnd
VNĐ/lít thực tế (2)/ (1)									

**Phụ lục số 04: BÁO CÁO CHI PHÍ ĐƯA XĂNG DẦU TỪ NHÀ MÁY LỘC DẦU
TRONG NƯỚC VỀ CẢNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày / /2021
của Bộ Tài chính)*

Tên hàng	Ngày Bill	Ngày mua từ	Điều kiện mua hàng	Số lượng vận đơn			Số lượng giám định tại cảng Việt Nam		Giá Platts (usd/thung)	Chi phí bảo hiểm Nếu có (2)	Chi phí vận chuyển Nếu có (3)	Chi phí khác phát sinh nếu có (4)
				Thùng	Lít 15	Lít thực tế	Lít 15	Lít thực tế (1)				
XĂNG RON 92												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng								Lít		vnd	vnd	vnd
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/ (1)												
XĂNG RON 95												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng								Lít		vnd	vnd	vnd
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/ (1)												
XĂNG E5 RON 92												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng								Lít		vnd	vnd	vnd
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/ (1)												
DẦU DO												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												

Tháng 12												
Tổng cộng							Lít		vnd	vnd	vnd	
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/(1)												
DẦU KO												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng							Lít		vnd	vnd	vnd	
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/(1)												

DẦU FO												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng							Lít		vnd	vnd	vnd	
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/(1)												

XĂNG DẦU KHÁC (VIẾT TÊN CỤ THỂ)												
Tháng 1												
Tháng 2												
.....												
Tháng 12												
Tổng cộng												
VNĐ/lít thực tế (2+3+4)/(1)												

Phụ lục số 05: BÁO CÁO CHI PHÍ KINH DOANH XĂNG DẦU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày / /2021
của Bộ Tài chính)*

T T	Tên chỉ tiêu	TỔNG HỢP CHI PHÍ KINH DOANH XĂNG DẦU THỰC TẾ THEO MẶT HÀNG TRONG HỆ THỐNG KINH DOANH XĂNG DẦU ĐẦU MỖI NĂM BÁO CÁO													
		Tổng		Xăng RON95		Xăng E5RON 92		Dầu DO		Dầu KO		Dầu FO		Xăng, dầu khác	
		Giá trị	Giá trị	Đ/Lít	Giá trị	Đ/Lít	Giá trị	Đ/Lít	Giá trị	Đ/Lít	Giá trị	Đ/kg	Giá trị	Đ/lít, kg	
A	Tổng Chi phí kinh doanh xăng dầu tại các công ty con, chi nhánh sau khi giảm trừ các yếu tố doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính và hoạt động khác (VNĐ)														
	VNĐ/Lít,kg														
I	Sản lượng xăng dầu bán ra														
II	Chi phí bán hàng														
	(Đồng/Lít, kg) = (I+II) / A														
1	Chi phí tiền lương nhân viên														
2	Chi phí BHXH, BHYT, KFCĐ														
3	Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì														
4	Chi phí khấu hao TSCĐ														
5	Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCLĐ														
6	Chi phí bảo quản														
7	Chi phí vận chuyển và giao nhận khâu lưu thông														
8	Chi phí bảo hiểm khâu lưu thông (nếu có)														
9	Chi phí hao hụt khâu lưu thông (nếu có)														
10	Chi phí nguyên nhiên vật liệu														
1	Chi phí đào tạo, tuyển														

C	Chi phí kinh doanh xăng dầu thực tế tại đơn vị (đồng/lít, kg) (A+B)														

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Điều Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83 /2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83 /2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về phương pháp trích lập, chi sử dụng và quản lý Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền điều hành giá bán xăng dầu trong nước và các cơ quan khác có liên quan; các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu (thương nhân đầu mối) có trách nhiệm quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Điều....Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83 /2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi chung là Nghị định số /2021/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được lập tại các thương nhân đầu mối (không bao gồm thương nhân sản xuất xăng, dầu; thương nhân đầu mối bán xăng dầu thành phẩm cho thương nhân đầu mối khác về làm nguyên liệu để pha chế, sản xuất). Thương nhân đầu mối có trách nhiệm lựa chọn, mở tài khoản theo dõi riêng về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc hạch toán, quản lý tiền Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại doanh nghiệp.

2. Thương nhân đầu mối là chủ tài khoản, thực hiện các thủ tục liên quan để mở tài khoản, trích lập, thực hiện các nghiệp vụ thu, chi từ tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá xăng dầu; đồng thời, có trách nhiệm thông báo tên, địa chỉ, thông tin liên lạc của ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mối mở tài khoản Quỹ Bình ổn giá đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) và công bố thông tin theo quy định.

Toàn bộ số tiền trích lập Quỹ Bình ổn giá để điều tiết, hỗ trợ cho mục tiêu Bình ổn giá xăng dầu trong nước theo điều hành của Bộ Công Thương.

Trường hợp thương nhân đầu mối có số dư Quỹ Bình ổn giá lớn hơn 300 tỷ đồng, thương nhân đầu mối được mở thêm tài khoản Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng thương mại khác.

3. Đảm bảo tính công khai, minh bạch; chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và toàn xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, không phát sinh cơ chế quản lý tập trung và không phát sinh tổ chức bộ máy, không có cơ chế tài chính riêng.

2. Việc trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu chỉ thực hiện một lần đối với một thương nhân đầu mối bán ra đầu tiên trên sản lượng xăng dầu cung ứng ra thị trường nội địa.

Khi có thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương về thời gian thực hiện mức trích lập, mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá, thương nhân đầu mối chủ động thực hiện trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với sản lượng xăng, dầu ở nhiệt độ thực tế tiêu thụ trong nước theo quy định.

3. Tại kỳ điều hành giá cơ sở xăng dầu theo quy định, trường hợp cơ quan điều hành ước tính tổng số dư Quỹ Bình ổn giá của các thương nhân đầu mối ở mức ≥ 7.000 tỷ đồng, Thương nhân đầu mối sẽ thực hiện ngừng trích lập Quỹ Bình ổn giá theo thông báo điều hành giá cơ sở xăng dầu của Bộ Công Thương.

Điều 4. Trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền (300 đồng/lít/kg) tính trên lượng xăng, dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một yếu tố hình thành trong giá bán của thương nhân đầu mối. Việc trích lập vào Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện đồng thời với chu kỳ điều hành giá cơ sở.

2. Việc điều chỉnh tăng, giảm mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo quy định trên phải phù hợp với diễn biến của thị trường. Bộ Công Thương căn cứ trên số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, tình hình thực tế tại thời điểm điều hành giá, diễn biến giá cơ sở xăng dầu và ý kiến của Bộ Tài chính để quyết định cho phù hợp. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì trao đổi lại (bằng hình thức email/điện thoại), không thống nhất được thì Bộ Công Thương tự quyết định và chịu trách nhiệm. Phương thức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được thực hiện như sau:

a) Điều chỉnh giảm mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu dưới mức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này khi các yếu tố hình thành giá biến động làm giá cơ sở kỳ công bố tăng trên năm phần trăm (>5%) so với giá cơ sở kỳ trước liền kề đó hoặc việc tăng giá xăng, dầu có thể tác động bất lợi đến phát triển kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân.

b) Trường hợp cần thiết, điều chỉnh tăng mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cao hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này khi giá cơ sở thấp hơn so với giá cơ sở do cơ quan điều hành công bố liền kề trước đó hoặc căn cứ trên số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, tình hình thực tế tại thời điểm điều hành giá.

3. Tổng mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu trong kỳ điều hành giá của thương nhân đầu mỗi được xác định bằng mức trích lập Quỹ quy định tại thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương nhân (x) với sản lượng xăng, dầu ở nhiệt độ thực tế thương nhân đầu mỗi đã tiêu thụ tại thị trường nội địa trong thời gian thực hiện trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.

Điều 5. Chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Việc chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện khi giá cơ sở cao hơn giá bán lẻ hiện hành và việc tăng giá có thể tác động ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân.

Thương nhân đầu mỗi được chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo thông báo điều hành giá cơ sở của Bộ Công Thương. Nghiêm cấm sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu để cấp vốn kinh doanh hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

2. Thời gian chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện đồng thời với chu kỳ điều hành giá cơ sở. Phương thức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được thực hiện như sau:

a) Không chi sử dụng Quỹ trong trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở kỳ công bố tăng trong phạm vi bảy phần trăm ($\leq 7\%$) so với giá cơ sở công bố liền kề trước đó, trừ trường hợp:

- Việc tăng giá ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

- Việc chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu là cần thiết để góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

b) Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng lớn hơn bảy phần trăm (> 7%) đến mười phần trăm (10%) so với giá cơ sở công bố liền kề trước đó, căn cứ quy định tại Khoản Điều Nghị định số /2021/NĐ-CP, sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương quyết định sử dụng hoặc điều chỉnh mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cho phù hợp với diễn biến của thị trường.

c) Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng trên mười phần trăm (> 10%) so với giá cơ sở liền kề trước đó hoặc việc tăng giá xăng dầu có tác động bất lợi đến phát triển kinh tế, xã hội và đời sống của nhân dân, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

3. Tổng mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu trong kỳ điều hành giá của thương nhân đầu mỗi được xác định bằng mức chi sử dụng Quỹ quy định tại thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương nhân (x) với sản lượng xăng, dầu ở nhiệt độ thực tế đã tiêu thụ tại thị trường nội địa trong thời gian thực hiện chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.

Điều 6. Hạch toán Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Thương nhân đầu mỗi có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, chính xác khoản trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu vào giá vốn hàng bán; khi chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu thương nhân đầu mỗi hạch toán giảm giá vốn hàng bán.

2. Sau thời gian 01 ngày tính từ ngày Bộ Công Thương có văn bản điều hành giá xăng dầu, thương nhân đầu mỗi có trách nhiệm đối trừ số tiền (tạm tính) đã trích lập và số tiền đã chi sử dụng theo văn bản điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương tại kỳ thực hiện liền kề trước đó và hoàn trả hoặc nộp ngay vào tài khoản Quỹ bình ổn giá tại Ngân hàng thương mại nơi thương nhân mở tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu; Trường hợp trùng vào ngày nghỉ theo quy định, việc nộp tiền vào tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại ngân hàng được lùi sang ngày làm việc liền kề.

3. Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được tính lãi suất theo mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mỗi mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá trong cùng thời kỳ. Phần lãi phát sinh trên tài khoản số dư Quỹ Bình ổn giá dương tại Ngân hàng thương mại được ghi tăng vào tài khoản Quỹ Bình ổn giá. Việc quản lý, điều hành tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá và hạch toán, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh liên quan của thương nhân đầu mỗi phải được thực hiện công khai, minh bạch.

4. Trường hợp thương nhân đầu mỗi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo thông báo của Bộ Công Thương nhưng tại thời điểm đó số dư của tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá không còn (số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng thương mại bằng không (0)), thương nhân đầu mỗi được vay vốn để bù đắp và được tính lãi suất tối đa bằng mức lãi suất thỏa thuận thấp nhất với Ngân hàng nơi thương nhân đầu mỗi vay vốn để bù đắp Quỹ bình ổn giá; Việc hoàn trả được thực hiện ngay sau từng kỳ điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương theo số tiền thương nhân đầu mỗi đã thực hiện trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu trong kỳ theo quy định.

5. Số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cuối kỳ (tháng, quý, năm) bằng (=) Số dư Quỹ Bình ổn giá đầu kỳ cộng (+) tổng mức trích lập Quỹ Bình ổn giá trong kỳ trừ (-) tổng mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá trong kỳ cộng (+) phần lãi tính trên số dư Quỹ Bình ổn giá dương phát sinh trong kỳ trừ (-) phần lãi tính trên số dư Quỹ Bình ổn giá phát sinh âm phát sinh trong kỳ (nếu có). Kết thúc năm tài chính, Quỹ Bình ổn giá có kết dư, thương nhân đầu mỗi thực hiện kết chuyển sang năm sau.

6. Thương nhân đầu mỗi thực hiện hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính đối với Quỹ Bình ổn giá theo quy định tại Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán.

Khi phân tích báo cáo tài chính, thương nhân đầu mối được loại trừ khoản tiền trên tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá và số dư tài khoản “Quỹ Bình ổn giá” trên báo cáo tài chính để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu tài chính.

7. Trường hợp thương nhân đầu mối không còn chức năng làm thương nhân đầu mối theo quy định của pháp luật:

a. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh, chia, tách doanh nghiệp: số dư Quỹ Bình ổn giá sẽ kết chuyển sang số dư của thương nhân đầu mối là doanh nghiệp nhận sáp nhập (trường hợp sáp nhập doanh nghiệp), doanh nghiệp mua lại (trong trường hợp mua lại doanh nghiệp) và doanh nghiệp mới (trong trường hợp hợp nhất, liên doanh, chia, tách doanh nghiệp) theo quy định của pháp luật (kể cả trường hợp số dư Quỹ Bình ổn giá dương và số dư Quỹ Bình ổn giá âm); Trên cơ sở báo cáo kiểm toán về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại thương nhân đầu mối, Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính sẽ kiểm tra, rà soát và thông báo kết quả xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

b. Trường hợp thương nhân đầu mối bị phá sản, giải thể, bị thu hồi Giấy phép thương nhân đầu mối hoặc thương nhân đầu mối chủ động đăng ký không tiếp tục làm thương nhân đầu mối khi số tiền trong Quỹ Bình ổn giá dương:

- Trước khi thực hiện thủ tục phá sản, giải thể hoặc doanh nghiệp chủ động đăng ký không tiếp tục làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, doanh nghiệp không làm thủ tục gia hạn khi Giấy phép hết hạn, Thương nhân đầu mối có trách nhiệm quyết toán Quỹ Bình ổn giá và gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước), nộp toàn bộ số tiền Quỹ Bình ổn giá tại doanh nghiệp vào Ngân sách trung ương, đồng thời gửi bản sao chứng từ nộp tiền vào ngân sách trung ương về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước).

- Thương nhân đầu mối có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền Quỹ Bình ổn giá tại doanh nghiệp vào ngân sách trung ương theo một trong các phương thức: Nộp trực tiếp tại ngân hàng thương mại bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản Kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng thương mại; hoặc nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng. Về thông tin hạch toán khoản thu ngân sách trung ương:

+ Về Chương nộp: Theo chương của đơn vị quản lý doanh nghiệp;

+ Về nội dung khoản nộp: Tiểu mục 4949 - “Các khoản thu khác” thuộc mục 4900 - “Các khoản thu khác”.

c. Trường hợp thương nhân đầu mối bị phá sản, giải thể, bị thu hồi Giấy phép thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối chủ động đăng ký không tiếp tục làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu khi số dư Quỹ Bình ổn giá bị âm do được sử dụng Quỹ Bình ổn giá để bình ổn thị trường, bình ổn giá xăng, dầu trước khi không còn là thương nhân đầu mối; Trên cơ sở báo cáo kiểm toán về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại thương nhân đầu mối, Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính sẽ kiểm tra, rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và có biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể, đồng thời thông báo kết quả xử lý đối với từng trường hợp cụ thể đó.

đ. Trường hợp phát sinh các doanh nghiệp không còn là thương nhân đầu mối hoặc sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh, chia, tách doanh nghiệp đầu mối, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và có biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Công khai Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Thương nhân đầu mối có trách nhiệm công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại đơn vị tính đến trước mỗi lần điều chỉnh giá bán xăng dầu trong nước.

2. Định kỳ, chậm nhất ngày 05 hàng tháng, Thương nhân đầu mối có trách nhiệm công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu cuối kỳ của tháng trước liền kề. Đồng thời lập, gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) chi tiết về tình hình thực hiện Quỹ Bình ổn giá của tháng trước liền kề, bao gồm: số dư Quỹ Bình ổn giá đầu kỳ báo cáo (nếu có); Số lượng, chủng loại xăng dầu được thực hiện trích lập, chi sử dụng trong kỳ báo cáo (nếu có); Số tiền trích lập Quỹ Bình ổn giá trong kỳ báo cáo (nếu có); Số tiền chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá trong kỳ báo cáo (nếu có); Phần lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá dương hoặc âm (nếu có); Số dư Quỹ Bình ổn giá cuối kỳ của tháng trước liền kề; sao kê của ngân hàng về biến động số dư Quỹ bình ổn giá trong kỳ báo cáo (mẫu báo cáo tại phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này).

3. Thương nhân đầu mối gửi báo cáo theo hình thức qua thư điện tử kèm bản scan báo cáo có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và dấu của đơn vị.

Địa chỉ tiếp nhận báo cáo của Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) là bcxangdau@mof.gov.vn

Địa chỉ tiếp nhận báo cáo của Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) là

Thương nhân đầu mối chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) về tình hình thực hiện hạch toán trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại doanh nghiệp.

4. Trên cơ sở báo cáo của thương nhân đầu mối, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về số trích lập, số chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng Quý của thương nhân đầu mối.

Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố tại văn bản điều hành giá xăng dầu các thông tin về mức trích lập, mức chi sử dụng (nếu có) và ước số dư quỹ bình ổn giá tại thời điểm điều hành.

5. Kết thúc năm tài chính, Thương nhân đầu mối có trách nhiệm quyết toán số dư Quỹ Bình ổn giá, số tiền trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá trong năm (kèm theo thống kê chi tiết tình hình trích lập, chi sử dụng,

lãi phát sinh, sao kê tài khoản Quỹ Bình ổn giá) và báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) trước ngày 20 tháng 01 của năm tài chính kế tiếp để tổng hợp công bố công khai theo quy định. Trên cơ sở văn bản điều hành về mức trích lập, mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá của Bộ Công Thương, số liệu báo cáo quyết toán, tài liệu do thương nhân đầu mối cung cấp, Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) yêu cầu thương nhân đầu mối làm rõ và điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư Quỹ Bình ổn giá (nếu có).

Điều 8. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Trên cơ sở báo cáo của thương nhân đầu mối, trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương yêu cầu thương nhân đầu mối báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan để làm rõ nội dung báo cáo về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) yêu cầu thương nhân đầu mối, Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mối mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá báo cáo đột xuất.

3. Hàng năm, Bộ Tài chính chủ trì kiểm tra thương nhân đầu mối về tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.

4. Căn cứ kế hoạch kiểm tra thương nhân đầu mối đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền); Thương nhân đầu mối có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các tài liệu liên quan đến Quỹ Bình ổn giá tại doanh nghiệp theo đúng nội dung, thời hạn báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

5. Trường hợp thương nhân đầu mối không thực hiện đúng các quy định về Quỹ Bình ổn giá tại Nghị định số và Thông tư này, căn cứ mức độ của hành vi, Bộ Tài chính có văn bản đề nghị Bộ Công Thương đình chỉ hoặc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

Điều 9. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

Bãi bỏ các quy định về Quỹ Bình ổn giá tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này.

2. Giao Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính) chủ trì phối hợp với các đơn vị khác có liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện Thông tư này theo quy định; tổ chức theo dõi nắm bắt thông tin diễn biến thị trường giá cả mặt hàng xăng dầu, đồng thời căn cứ mục tiêu kiểm soát lạm phát, các kịch bản điều hành giá của Chính phủ để chủ động thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Tài chính ký văn bản tham gia với Bộ Công Thương về phương án điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Khoản.... Điều Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm và quy định tại Thông tư này. Trường hợp khi giá xăng dầu có diễn biến tăng giảm đột biến, hoặc ảnh hưởng tới tình hình kinh tế xã hội, trình báo cáo xin ý kiến lãnh đạo phụ trách khối trước khi ký văn bản.

3. Các thương nhân đầu mối có trách nhiệm thực hiện và tổng hợp số liệu thực tế tại đơn vị, báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) theo đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng BCĐ Phòng, chống tham nhũng;
- Tòa án NDTC;
- Viện Kiểm sát NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Công Thương, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Ngân hàng thương mại;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục QLГ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục số 01: MẪU VĂN BẢN BÁO CÁO VỀ QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày / /2021
của Bộ Tài chính)*

**Tên đơn vị thực hiện
Báo cáo Quỹ Bình ổn giá xăng
dầu**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....
V/v Báo cáo Quỹ Bình ổn giá xăng
dầu tháng (Quý, năm)

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: *(tên cơ quan tiếp nhận báo cáo Quỹ Bình ổn giá xăng dầu)*

Thực hiện Thông tư số /TT-BTC ngày / /2021 của Bộ Tài chính quy định về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83 /2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

... *(tên đơn vị thực hiện báo cáo)*... gửi Báo cáo tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (đính kèm).

Kỳ báo cáo: từ ngày .../... /đến ngày.../... /

... *(tên đơn vị thực hiện báo cáo)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của Quỹ Bình ổn giá xăng dầu mà chúng tôi đã Báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

↳ Lưu:

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện báo cáo:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG BÁO CÁO VỀ QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU (QUỸ BOG)

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Bảng tổng hợp tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ BOG trong kỳ báo cáo (tháng, năm), của (đơn vị thực hiện báo cáo)

ST T	Mặt hàng	Sản lượng trích lập Quỹ BOG trong kỳ (lít/kg)	Sản lượng chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (lít/kg)	Số tiền trích lập Quỹ BOG trong kỳ (đồng)	Số tiền chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (đồng)	Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG đương (đồng)	Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG âm (đồng)	Số dư Quỹ BOG đầu kỳ/cuối kỳ (đồng)
a	b	c	d	e	f	g	h	i
I	Số dư Quỹ BOG đầu kỳ (Số dư Quỹ BOG cuối kỳ trước liền kề chuyển sang)							
II	Tổng phát sinh trong kỳ =1+2+3+4+5+6+7+8							
1	Xăng Ron 95							
2	Xăng E5 Ron 92							
3	Dầu điêzen 0,05S							
4	Dầu điêzen 0,001S							
5	Dầu hỏa							
6	Dầu ma dút 3,5S							
7	Dầu ma dút 3,0S							
8	Các mặt hàng xăng, dầu khác (nếu có)							
III	Số dư Quỹ BOG cuối kỳ (i) = (I) + (e) - (f) + (g) - (h)							

2. Đơn vị thực hiện báo cáo có trách nhiệm gửi kèm theo bảng sao kê tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu của đơn vị tại ngân hàng trong kỳ báo cáo.

3. Đối với báo cáo quyết toán Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo năm, ngoài việc thực hiện theo biểu mẫu nêu trên, đơn vị thực hiện báo cáo có trách nhiệm gửi kèm theo biểu thống kê chi tiết tình hình trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với từng chủng loại xăng, dầu theo các kỳ điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương.

DANH SÁCH THƯƠNG NHÂN ĐẦU MỐI XUẤT NHẬP KHẨU XĂNG DẦU

STT	TÊN DOANH NGHIỆP XĂNG DẦU ĐẦU MỐI	ĐỊA CHỈ
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội
2	Công ty TNHH MTV dầu khí TP. Hồ Chí Minh	Số 27 Nguyễn Thông, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
3	Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần	Tầng 14-17 tòa nhà Petro Việt Nam, số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH MTV - Tổng công ty xăng dầu Quân đội	33B Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp	Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
6	Tổng công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lê - CTCP	63 Yersin, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
7	Công ty cổ phần hóa dầu Quân đội	N1-33B Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
8	Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà	Số 132 khu 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
9	Công ty cổ phần dầu khí Đông Phương	Khu công nghiệp Hưng Phú 2A, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
10	Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải STS	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
11	Công ty cổ phần thương mại đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu	Áp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
12	Công ty TNHH sản xuất thương mại Hưng Phát	Số 73 Lê Lợi, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
13	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Hòa Khánh	Số 14 Nguyễn Tri Phương, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
14	Tổng công ty thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Số 275B Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
15	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Long Hưng	Số 12A Nguyễn Thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

16	Công ty TNHH Hải Linh	Khu 6, xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
17	Công ty TNHH xăng dầu Hồng Đức	Số 206 TL 864, ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
18	Công ty cổ phần tập đoàn Thiên Minh Đức	Số 287 Ngô Đức Kế, quận Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
19	Công ty cổ phần thương mại tư vấn đầu tư xây dựng Bách Khoa Việt	Số 346 Tân Kỳ, Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
20	Công ty cổ phần Tập đoàn Dương Đông	11A-15 đường Mỹ Giang 1b, Khu Mỹ Giang 1, phường Tân Phong, quận 7, TP Hồ Chí Minh
21	Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch Xuyên Việt Oil	Số 465-467 Hai Bà Trưng, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
22	Công ty TNHH Petro Bình Minh	Km số 7, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
23	Công ty cổ phần đầu tư Nam Phúc	Số 1073/89 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
24	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nhiên liệu Đông Đô	Số 85 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
25	Công ty cổ phần phát triển Hiệp Phong	Số 19/52 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
26	Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam	202 Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội
27	Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex	Tầng 6, tòa nhà Mipec Tower 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội
28	Công ty cổ phần nhiên liệu hàng không Hoàn Mỹ	Số 51/5, đường số 3, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
29	Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Hải Dương	Số 677 Đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương
30	Công ty TNHH xuất nhập khẩu xăng dầu Hà Anh	Số 60 Trần Quang Khải, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
31	Công ty cổ phần XNK xăng dầu Tín Nghĩa	Số 96 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
32	Công ty TNHH xăng dầu Tây Nam S.W.P	Số 24 đường 13A, Khu dân cư Him Lam 6A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

33	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư phát triển Trường An	Khu Phú Thọ, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
34	Công ty cổ phần Anh Phát Petro	306B Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
35	Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	45 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
36	Công ty Cổ phần Xăng dầu Tân Nhật Minh	Địa chỉ: 526 Hùng Vương, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, T.p Hải Phòng
37	Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	38 đường tuyến vòng tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam
38	Công ty cổ phần nhiên liệu Phúc Lâm	Số 3 Đường N, khu phố Mỹ Giang 1, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố HCM
39	Công ty TNHH xăng dầu Giang Nam	
40	Công ty TNHH Trung Linh Phát	Số 8, Đường Tràng An, phố 12, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam